



Số: 01-2021/CV-MWG

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2021

“V/v giải trình chênh lệch BCTC Quý I/2021”

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ theo khoản 4 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, giải trình nguyên nhân khi xảy ra các trường hợp sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
3. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động xin được giải trình sự thay đổi trên 10% giữa Báo cáo tài chính (BCTC) quý I/2021 so với BCTC quý I/2020 như sau:

Giải trình cho BCTC hợp nhất quý I/2021 so với cùng kỳ năm 2020

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý I/2021 đạt 1.339 tỷ VNĐ, tăng 18% so với quý I/2020 là 1.132 tỷ VNĐ. Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 28% của kế hoạch lợi nhuận năm là 4.750 tỷ đồng

Nguyên nhân:

- MWG tăng thêm 170 cửa hàng trong quý I/2021, trong đó có 126 cửa hàng ĐMX mới (bao gồm các cửa hàng TGDD chuyển đổi và ĐMX supermini) và 48 cửa hàng BHX mới. Doanh thu thuần hợp nhất quý I/2021 là 30.828 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ)
- Biên lợi nhuận ròng trong cả quý I/2021 đạt 4,3% - tăng 0,4 điểm phần trăm so với 3,9% trong quý I/2020 chủ yếu nhờ biên lợi nhuận gộp tăng từ 21% lên xấp xỉ 23%. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện so với cùng kỳ năm trước ở hầu hết các ngành hàng chính, trong đó có sự đóng góp đáng kể của BHX.

Giải trình cho BCTC riêng quý I/2021 so với quý I/2020

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ quý I/2021 đạt 602 tỷ VNĐ, giảm 25% so với quý I/2020 là 799 tỷ VNĐ.

Nguyên nhân: Thu nhập từ cổ tức của Công ty Mẹ trong Quý I/2020 đạt 600 tỷ VNĐ (Quý I/2020: 800 tỷ VNĐ).



Trân trọng!

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 20

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Thomas Lanyi	Thành viên
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên
Ông Robert Willet	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") để Ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám Đốc:

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.389.336.811.471	1.750.488.535.287
110	I. Tiền	4	96.794.320.643	4.476.161.365
111	1. Tiền		96.794.320.643	4.476.161.365
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.272.752.321.016	1.738.084.660.577
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	3.618.275.000.000	1.696.375.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.654.477.321.016	41.709.660.577
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		19.790.169.812	7.927.713.345
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		18.329.554.109	7.637.928.082
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.460.615.703	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	289.785.263
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.041.217.541.707	15.041.217.541.707
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.126.500.000.000	1.126.500.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	1.126.500.000.000	1.126.500.000.000
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	7	13.914.717.541.707	13.914.717.541.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con		13.852.678.791.707	13.852.678.791.707
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		62.038.750.000	62.038.750.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.430.554.353.178	16.791.706.076.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.931.184.277.978	3.029.111.712.275
310	I. Nợ ngắn hạn		4.803.372.611.326	1.902.435.045.622
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		499.975.921	2.669.603.062
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	84.181.493.688	42.567.680.643
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	9	95.691.141.717	2.597.761.917
320	4. Vay ngắn hạn	10	4.623.000.000.000	1.854.600.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.127.811.666.652	1.126.676.666.653
338	1. Vay dài hạn	10	1.127.811.666.652	1.126.676.666.653
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.499.370.075.200	13.762.594.364.719
410	I. Vốn chủ sở hữu	11.1	14.499.370.075.200	13.762.594.364.719
411	1. Vốn cổ phần		4.661.242.270.000	4.532.099.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.661.242.270.000	4.532.099.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		522.021.325.200	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(368.410.000)	(6.040.930.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.316.474.890.000	8.714.514.099.519
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.714.514.099.519	2.117.846.189.530
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		601.960.790.481	6.596.667.909.989
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.430.554.353.178	16.791.706.076.994



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	12	675.671.715.174	831.695.754.830
22	2. Chi phí tài chính	13	(70.779.048.965)	(31.650.212.581)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(70.779.048.965)	(31.650.212.581)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(2.358.410.068)	(1.277.145.209)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		602.534.256.141	798.768.397.040
31	5. Thu nhập khác		14.046.214	9.593
40	6. Lợi nhuận khác		14.046.214	9.593
50	7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		602.548.302.355	798.768.406.633
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.1	(587.511.874)	-
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		601.960.790.481	798.768.406.633

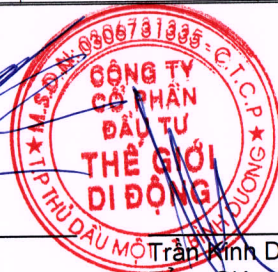


Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Ngày 29 tháng 4 năm 2021



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Minh Doanh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		602.548.302.355	798.768.406.633
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(675.671.715.174)	(831.695.754.830)
06	Chi phí lãi vay	13	70.779.048.965	31.650.212.581
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.344.363.854)	(1.277.135.616)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.596.376.055.439)	1.122.227.059
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		91.402.470.871	(84.579.582.564)
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.200.580.160)	(5.331.522.457)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.546.518.528.582)	(90.066.013.578)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(2.021.900.000.000)	(474.400.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		100.000.000.000	190.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(635.000.000.000)
27	Thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức		657.521.767.860	820.731.748.388
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.264.378.232.140)	(98.668.251.612)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	11.1	135.183.330.000	105.200.450.000
32	Mua lại cổ phiếu	11.1	(368.410.000)	(3.925.610.000)
33	Tiền thu từ đi vay		2.768.400.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.903.214.920.000	101.274.840.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		92.318.159.278	(87.459.425.190)
60	Tiền đầu kỳ		4.476.161.365	87.872.626.449
70	Tiền cuối kỳ	4	96.794.320.643	413.201.259

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH & ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 để Ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	<u>96.794.320.643</u>	<u>4.476.161.365</u>

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 6%/năm đến 8,5%/năm (Thuyết minh số 15).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 15)	1.654.304.363.376	41.537.648.939
Khác	<u>172.957.640</u>	<u>172.011.638</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.654.477.321.016</u>	<u>41.709.660.577</u>

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 7.1)	13.852.678.791.707	13.852.678.791.707
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 7.2)	<u>62.038.750.000</u>	<u>62.038.750.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.914.717.541.707</u>	<u>13.914.717.541.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 3 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
			%	Giá gốc đầu tư	Dự	%	Giá gốc đầu tư	Dự
			sở hữu		phòng	sở hữu		phòng
				VND	VND		VND	VND
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	9.626.831.940.000	-	99,95	9.626.831.940.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	99,95	2.826.909.551.000	-	99,95	2.826.909.551.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				13.852.678.791.707	-		13.852.678.791.707	-

7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
			%	Giá gốc đầu tư	Dự	%	Giá gốc đầu tư	Dự
			sở hữu		phòng	sở hữu		phòng
				VND	VND		VND	VND
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	49,00	62.038.750.000	-	49,00	62.038.750.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí lãi vay	75.216.375.476	25.672.672.306
Phí thu xếp hạn mức	8.312.400.000	16.721.008.337
Khác	652.718.212	174.000.000
TỔNG CỘNG	<u>84.181.493.688</u>	<u>42.567.680.643</u>

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nhận trước tiền phát hành cổ phiếu	93.081.579.800	-
Khác	2.609.561.917	2.597.761.917
TỔNG CỘNG	<u>95.691.141.717</u>	<u>2.597.761.917</u>



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng	Giảm	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Ngắn hạn	1.854.600.000.000	2.768.400.000.000	-	4.623.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 10.1)	1.854.600.000.000	2.768.400.000.000	-	4.623.000.000.000
Dài hạn	1.126.676.666.653	1.134.999.999	-	1.127.811.666.652
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 10.2)	1.126.676.666.653	1.134.999.999	-	1.127.811.666.652
TỔNG CỘNG	2.981.276.666.653	2.769.534.999.999	-	5.750.811.666.652

10.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2021 VND	Kỳ hạn trả gốc
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Singapore)	2.768.400.000.000	Ngày 8 tháng 1 năm 2022
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore	1.854.600.000.000	Từ ngày 29 tháng 6 năm 2021 đến ngày 11 tháng 8 năm 2021
TỔNG CỘNG	4.623.000.000.000	

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Trái phiếu thường trong nước

<i>Trái chủ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
	<i>VND</i>	<i>%/năm</i>	
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	480.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.188.333.348)		
TỔNG CỘNG	<u>1.127.811.666.652</u>		

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á với phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	4.435.461.780.000	519.117.889.700	(5.658.924.500)	2.796.755.030.530	7.745.675.775.730
Mua lại cổ phiếu	-	-	(3.925.610.000)	-	(3.925.610.000)
Phát hành cổ phiếu (*)	96.638.090.000	2.903.435.500	5.658.924.500	-	105.200.450.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	798.768.406.633	798.768.406.633
Ngày 31 tháng 3 năm 2020	<u>4.532.099.870.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(3.925.610.000)</u>	<u>3.595.523.437.163</u>	<u>8.645.719.022.363</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.532.099.870.000	522.021.325.200	(6.040.930.000)	8.714.514.099.519	13.762.594.364.719
Phát hành cổ phiếu	129.142.400.000	-	6.040.930.000	-	135.183.330.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(368.410.000)	-	(368.410.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	601.960.790.481	601.960.790.481
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>4.661.242.270.000</u>	<u>522.021.325.200</u>	<u>(368.410.000)</u>	<u>9.316.474.890.000</u>	<u>14.499.370.075.200</u>

(*) Vào ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 13.518.333 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 604.093 cổ phiếu quỹ và phát hành 12.914.240 cổ phiếu, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01_2020/NQĐHĐCĐ/TGDD và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2020/NQ/HĐQT-2020 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 4.532.099.870.000 VND lên 4.661.242.270.000 vào ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	4.532.099.870.000	4.435.461.780.000
Vốn góp tăng trong năm	129.142.400.000	96.638.090.000
Số cuối năm	<u>4.661.242.270.000</u>	<u>4.532.099.870.000</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

11.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	466.124.227	453.209.987
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	466.124.227	453.209.987
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(36.841)	(604.093)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	466.087.386	452.605.894

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020
Thu nhập từ cổ tức	599.667.580.755	799.556.772.030
Lãi tiền cho vay	76.004.134.419	32.138.982.800
TỔNG CỘNG	<u>675.671.715.174</u>	<u>831.695.754.830</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	<u>70.779.048.965</u>	<u>31.650.212.581</u>

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>587.511.874</u>	<u>-</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VN	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>602.548.302.355</u>	<u>798.768.406.633</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	120.509.660.471	159.753.681.327
<i>Các khoản điều chỉnh :</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(119.933.516.151)	(159.911.354.406)
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	-	157.673.079
Chi phí không được khấu trừ	<u>11.367.554</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>587.511.874</u>	<u>-</u>

14.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	2.001.500.000.000	474.400.000.000
		Cổ tức	599.667.580.755	799.556.772.030
		Lãi cho vay	73.232.191.666	30.857.946.051
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng góp vốn	1.595.000.000.000	635.000.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	1.165.031.507	1.264.027.398
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay	20.400.000.000	-
		Lãi cho vay	1.600.495.890	-
Ông Robert Willet	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	550.657.209	585.018.265

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	3.453.300.000.000	1.555.800.000.000
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Cho vay	104.400.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	60.575.000.000	60.575.000.000
TỔNG CỘNG			<u>3.618.275.000.000</u>	<u>1.696.375.000.000</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	<u>1.126.500.000.000</u>	<u>1.126.500.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

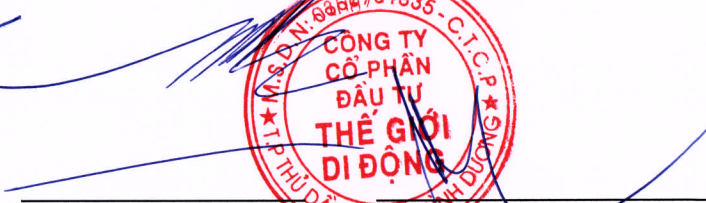
		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con	Tạm ứng góp vốn	1.595.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	57.562.986.664	41.154.416.062
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi cho vay	1.165.031.507	383.232.877
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty liên kết	Lãi cho vay	576.345.205	-
TỔNG CỘNG			1.654.304.363.376	41.537.648.939

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2021

